TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM GIÀNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2022/HSST
Ngày: 10-8- 2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn Hoàn và bà Vũ Thị T.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Mừng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên toà*:** Bà Tống Thị Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 51/2022/TLST- HS ngày 04 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2022/QĐXXST- HS ngày 23 tháng 7 năm 2022, đối với:

***. Bị cáo**: **L.V.S (**tên gọi khác: L.T,H**)**, sinh năm 2000 tại Thái Bình. ĐKHK và nơi cư trú: Thôn Bộ La, xã Vũ Vinh, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông L.V.N và bà T.T.N; Vợ, con: Chưa; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 19/3/2022 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương (*có mặt*).

***. Bị hại**: Chị Đ.T.C, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn Thượng, xã Cẩm Đông, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

*. Người làm chứng: Anh L.M.T, anh M.C.T1; anh N.V.C1, chị N.T.H; chị N.T.T2; anh B.N.H1, anh H.H.P; chị L.T.T3; anh Đ.B.B (*Đều vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

L.V.S và chị L.T.T3 trú tại bản Hua Nặm, xã Nặm Păm, huyện Mường La, tỉnh Sơn La có quan hệ yêu đương cùng thuê trọ tại thôn Thượng, xã Cẩm Đông, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Khoảng đầu năm 2021, chị T3 đăng ký mở tài khoản ngân hàng số 1017681611 tại ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam. Quá trình chung sống, S sử dụng điện thoại di động của chị T3 nhãn hiệu Samsung SM-J320G màu vàng để tải ứng dụng ví điện tử Momo về điện thoại rồi tạo tài khoản ví điện tử Momo mang tên L.T.T3, tài khoản trên được liên kết với tài khoản ngân hàng của chị T3. Tài khoản ngân hàng, tài khoản ví điện tử Momo và điện thoại của chị T3 đều để cho S sử dụng.

Khoảng tháng 03/2021, do thường xuyên mua hàng tạp hóa của chị Đ.T.C, trú tại thôn Thượng, xã Cẩm Đông, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương nên S quen biết chị C. Khoảng tháng 11/2021, tại cửa hàng tạp hóa, S giới thiệu với chị C ứng dụng, ưu đãi khi mở tài khoản ví điện tử Momo. Thấy có nhiều lợi ích nên chị C mở sẵn mật khẩu và đưa điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A20 màu xanh của chị cho S nhờ S thao tác cài đặt ứng dụng ví Momo trên điện thoại và liên kết tài khoản ngân hàng của chị vào ví Momo. Chị C nhờ S liên kết tài khoản ví Momo với hai tài khoản ngân hàng của chị C là số tài khoản 2300205930790 của ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam và số tài khoản 19032563502010 của ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam. Sau khi liên kết xong thì S đi về.

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 26/11/2021, S đến quán tạp hóa nhà chị C chơi, chị C đưa điện thoại cho S và nhờ S chuyển 30.000.000đồng từ tài khoản ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đã liên kết trước đó vào ví Momo để hưởng lãi. Chị C mở sẵn ứng dụng ví Momo và tài khoản ngân hàng, S thao tác chuyển tiền cho chị C nhưng bị lỗi. Lúc này S nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền trên nên thoát ra khỏi ứng dụng Momo, thấy ứng dụng ngân hàng của chị C vẫn chưa đăng xuất nên S thao tác chuyển số tiền 30.000.000đồng từ tài khoản ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số 2300205930790 của chị C vào tài khoản ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam số 1017681611 mang tên L.T.T3 hiện S đang quản lý và sử dụng. Khi có tin nhắn từ ngân hàng đến số điện thoại của chị C báo chuyển tiền thành công, S xóa tin nhắn để chị C không biết. Sau khi chuyển tiền xong, S truy cập thấy trong tài khoản ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam số

19032563502010 của chị C vẫn còn 4.000.000đồng. S nói với chị C đã chuyển tiền xong, 24 giờ sau mới có thông báo tiền đã được gửi vào ví Momo. Sau đó S đi về nhà.

Do biết tài khoản ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam của chị C vẫn còn tiền nên S nảy sinh ý định chiếm đoạt tiếp số tiền 4.000.000đồng trong tài khoản của chị C. Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 28/11/2021, S đi bộ ra cửa hàng của chị C, S bảo chị C cho mượn điện thoại để xem tiền gửi tiết kiệm được chưa nhưng chị C đang bán hàng nên không mượn được. Lợi dụng lúc chị C đông khách điện thoại để trên giường, S cầm điện thoại rồi bảo con gái của chị C là cháu Mai Quỳnh Anh mở mật khẩu. Khi mở được mật khẩu điện thoại, S mở ứng dụng ví Momo của chị C và chuyển 4.000.000đồng từ tài khoản ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam số 19032563502010 vào ví Momo của chị C. Sau đó S chuyển 4.000.000đồng từ ví Momo của chị C sang ví Momo mang tên L.T.T3, đồng thời xóa tin nhắn thông báo đã chuyển tiền. Lúc này chị C đang bán hàng nên không biết. Sau đó, S bảo với chị C số tiền gửi sang ví Momo vẫn chưa có thông báo, rồi đi về phòng trọ. Ngày 02/12/2021, S đi sang tỉnh Bắc Ninh sinh sống để chị C không tìm được. Tổng số tiền S chiếm đoạt của chị C là 34.000.000đồng, S đã sử dụng mua 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XSMax với số tiền 10.500.000đồng tại cửa hàng điện thoại của anh Lê Mạnh Trầm trú tại thôn Chùa, xã Cẩm Đông, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, sau đó S đã bán chiếc điện thoại trên cho một người đàn ông không quen biết tại tỉnh Bắc Ninh với số tiền 10.500.000đồng; mua 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu đen (không nhớ biển kiểm soát) với số tiền 12.000.000đồng của một người tên Cường (không rõ địa chỉ) tại tỉnh Thái Bình (việc mua bán không có giấy tờ), sau đó S đã bán lại cho một người không quen biết tại tỉnh Thái Bình được 13.500.000đồng. Số tiền còn lại S đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 15/3/2022, chị Đ.T.C có đơn trình báo vụ án được điều tra làm rõ.

Ngày 16/3/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Giàng quản lý một điện thoại Sam Sung SM - J320 màu vàng do L.V.S giao nộp.

Ngày 20/3/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Giàng đã trả một điện thoại Sam Sung SM - J320 màu vàng cho chị L.T.T3.

Quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình và khẳng định Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng truy tố bị cáo về tội danh, điều luật là đúng.

Tại Cáo trạng số 58/CT-VKS ngày 01/7/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng truy tố bị cáo L.V.S về tội "Trộm cắp tài sản"quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Bị hại chị Đ.T.C: Yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường số tiền đã chiếm đoạt 34.000.000đồng và đề nghị Tòa án xét xử bị cáo theo đúng quy định của pháp luật.

Quan điểm của bị cáo đối với số tiền 34.000.000đồng đã chiếm đoạt của chị C: Bị cáo nhất trí bồi thường cho chị C số tiền mà bị cáo chiếm đoạt.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương hành quyền công tố, trình bày luận tội: Giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo L.V.S phạm tội "Trộm cắp tài sản" và tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự (đối với cả hai tội).

Xử phạt: Bị cáo L.V.S từ 07 tháng đến 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; từ 20 tháng đến 24 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai tội từ 27 tháng đến 33 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 19/3/2022.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo L.V.S phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 34.000.000đồng đã chiếm đoạt cho chị Đ.T.C.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lê Viết phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.700.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Lời nói sau cùng trong phiên tòa: Bị cáo nhận thức được hành vi mà mình gây ra là sai, là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1].Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cẩm Giàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Hành vi của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, lời khai người làm chứng tại Cơ quan điều tra; phù hợp với các biên bản làm việc, vật chứng thu giữ, dữ liệu sao kê tài khoản ngân hàng và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do muốn có tiền chi tiêu cá nhân nên khoảng 19 giờ 30 phút ngày 26/11/2021 tại thôn Thượng, xã Cẩm Đông, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương lợi dụng việc chị Đ.T.C tin tưởng đưa điện thoại và nhờ chuyển 30.000.000đồng từ tài khoản Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam của mình đã liên kết với ứng dụng Momo vào mục đích tiết kiệm của ứng dụng này để hưởng tiền lãi. L.V.S đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền trên của chị C nên đã không chuyển vào tài khoản của Momo của chị C mà chuyển vào tài khoản Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam mang tên L.T.T3 (do S đang quản lý, sử dụng để chiếm đoạt). Tiếp đó, ngày 28/11/2021 tại nhà chị C lợi dụng chị C đang bán hàng không để ý, S đã tự lấy điện thoại di động của chị C rồi thao tác mở ứng dụng Momo chuyển số tiền 4.000.000đồng từ tài khoản Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam của chị C vào tài khoản Momo của chị C, rồi chuyển 4.000.000đồng từ tài khoản Momo của chị C sang tài khoản Momo mang tên L.T.T3 (do S đang quản lý sử dụng để chiếm đoạt).Tổng số tiền L.V.S chiếm đoạt của chị Đ.T.C là

34.000.000đồng. sau khi chiếm đoat được số tiền trên S đã chuyển chỗ ở và chi tiêu cá nhân hết.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức lợi dụng lòng tin của bị hại được bị hại giao tài sản đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản và lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản để chiếm đoạt là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích vụ lợi, do cần tiền tiêu xài, muốn biến tài sản của người khác thành tài sản của mình mà không phải bỏ công sức lao động nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Xét về hành vi, giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi này không những vi phạm pháp luật mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong việc quản lý, bảo vệ tài sản trong nhân dân.Vì vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng một hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt biết chấp hành pháp luật và phòng ngừa chung cho toàn xã hội cũng như đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống loại tội này.

[3]. Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hướng xử lý đối với bị cáo: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử sẽ xem xét áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo hiện tạm giam, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Đ.T.C yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 34.000.000đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt. Xét thấy yêu cầu của chị C là hoàn toàn chính đáng, có căn cứ. Do vậy, Hội đồng xét xử buộc bị cáo

phải có trách nhiệm bồi thường cho chị C số tiền 34.000.000đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589 Bộ luật dân sự.

[6]. Về các vấn đề khác:

Đối với L.V.S chiếm đoạt tiền của chị C chuyển vào tài khoản ngân hàng của L.T.T3 và ví điện tử Momo mang tên T. Sau khi đăng ký tài khoản ngân hàng chị T3 không sử dụng mà chỉ một mình S dùng và cài đặt sử dụng ứng dụng ví điện tử Momo nên chị T3 không biết việc S chiếm đoạt tài sản của chị C, do vậy chị T3 không đồng phạm với hành vi của S.

Đối với anh Lê Mạnh Trầm đã bán điện thoại, anh Nguyễn Việt Cường giao xe môtô cho S những người này không biết nguồn gốc số tiền dùng để mua tài sản là do S phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý.

[7]. Án phí: Bị cáo bị kết án và phải bồi thường dân sự nên phải chịu án phí sơ thẩm hình sự, án phí sơ thẩm dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 55; Điều 38 Bộ luật Hình sự (đối với cả hai tội).

Tuyên bố: Bị cáo L.V.S (tên gọi khác: L.T.H) phạm tội "Trộm cắp tài sản" và tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt: Bị cáo L.V.S (tên gọi khác: L.T.H) 07 (bảy) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và 23 (hai mươi ba) tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành chung là **30** (ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 19/3/2022.

2.Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 357; Điều 468; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589; Điều 590 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo L.V.S (tên gọi khác: L.T.H) phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 34.000.000đồng cho chị Đ.T.C, sinh năm 1990, địa chỉ: Thôn Thượng xã Cẩm Đông huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do

chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo L.V.S phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.700.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết, chỉ được kháng cáo bản án phần có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT - Công an huyện Cẩm Giàng;
- Cơ quan THAHS - Công an huyện Cẩm Giàng;
- Chi cục THSDS huyện Cẩm Giàng;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Vân Hà